TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ	*Văn Bàn, ngày 28 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Triệu Thị K, sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: Thôn KC, xã NT, huyện VB, tỉnh LC.

+ Bị đơn: Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: Thôn KC, xã NT, huyện VB, tỉnh LC

Chỗ ở hiện tại: Thôn 2, xã HM, huyện VB, tỉnh LC.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 81; điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26; Điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị K với anh Hoàng Đình D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị K và anh Hoàng Đình D thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Chị Triệu Thị K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Hoàng Lê A, sinh ngày 09/8/2012 và cháu Hoàng Triệu N, sinh ngày 11/9/2016 đến khi cháu A, cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đình D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu A và cháu N số tiền là 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)*/tháng cho một cháu. Tổng cộng hai cháu là

1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng/02 cháu cho tới khi cháu A và cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi xuất tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

+ Về án phí: Chị Triệu Thị K nhận chịu toàn bộ số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình; 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2012/08104 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Triệu Thị K đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Đình D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND (2);
- Sở tư pháp;
- Các đương sự (2);
- THA dân sự (1);
- UBND xã Nơi đăng ký(1);
- Lưu HS,

THẨM PHÁN

Lương Văn Đài